

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2020/HC-PT  
Ngày: 14 - 8 - 2020  
V/v khiếu kiện Quyết định giải quyết  
khiếu nại trong lĩnh vực quản lý nhà  
nước về đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2019/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 814/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:***

1.1. Ông Lương Vạn Th, sinh năm 1967 (có mặt)

1.2. Bà Bạch Thị Kiều O, sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường X, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà O:*** Ông Lê Cao T; địa chỉ: đường Bùi Thị X, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

*2. Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Văn V.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Y - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tôn Thiện S

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Ngọc Tr - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ:* Ông Nguyễn Đức Tr. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tôn Thiện S

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Ngọc Tr - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Lương Vạn Th, bà Bạch Thị Kiều O.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, các bản tự khai và các lời khai tại Tòa án ông Lương Vạn Th, bà Bạch Thị Kiều O trình bày:*

Nguồn gốc diện tích 141,89m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 369, tờ bản đồ số 30, tại Phường 7, thành phố Đ do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tr vào năm 2002. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng trên đất đã có nhà. Việc chuyển nhượng đất được lập thành văn bản “Giấy bán nhà đất” được UBND Phường 7 xác nhận. Quá trình sử dụng ông Th, bà O đã sử dụng ổn định và đã đóng thuế đầy đủ theo quy định.

Ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 5117/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư do thu hồi đất để xây dựng đường giao thông vào Khu trung tâm Văn hóa thể thao tỉnh Lâm Đồng trên địa bàn phường 7, thành phố Đ. Theo đó, ông Th, bà O được bồi thường, hỗ trợ số tiền là 570.397.000 đồng (gồm tiền bồi thường

141,89m<sup>2</sup> đất bị thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp; tiền hỗ trợ công trình, vật kiến trúc có trên đất bị thu hồi; tiền bồi thường hệ thống điện, nước, hỗ trợ 12 tháng tiền thuê nhà cho 04 nhân khẩu, tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở). Không đồng ý với số tiền bồi thường hỗ trợ ông Th đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Đ để yêu cầu giải quyết tính toán bồi thường cho gia đình ông theo đơn giá đất ở đô thị.

Ngày 11/4/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1313/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Th, bà Phúc. Ngày 01/02/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND giữ nguyên quyết định số 1313/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ngày 18/3/2019, ông Th, bà O có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

+ Hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Vạn Th.

+ Hủy Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Vạn Th.

*\* Theo văn bản trình bày của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:*

Ngày 13/5/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu văn hóa thể thao tỉnh Lâm Đồng quản lý, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án xây dựng Khu trung tâm văn hóa thể thao tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 22/12/2017, UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 5117/QĐ-UBND *Về việc thu hồi đất do ông, bà Lương Vạn Th – Bạch Thị Kiều O đang sử dụng để xây dựng đường giao thông vào khu Trung tâm Văn hóa – Thể thao tỉnh Lâm Đồng trên địa bàn phường 7, thành phố Đ* trong đó thu hồi 141,89m<sup>2</sup> đất của hộ ông, bà Lương Vạn Th - Bạch Thị Kiều O đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 369, tờ bản đồ số 30, phường 7, thành phố Đ. Về tính toán, bồi thường ông Th, bà O được hỗ trợ theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 và Quyết định số 5101/QĐ-UBND ngày 22/10/2017 về phê duyệt chi phí, bồi thường, hỗ trợ tái định cư do thu hồi đất tổng số tiền 570.696.000 đồng.

Việc ông, bà Lương Vạn Th - Bạch Thị Kiều O yêu cầu hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Vạn Th. Kết quả xác minh cho thấy thể hiện:

*2.1. Về việc xác định loại đất để tính toán bồi thường:*

Phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Lương Vạn Th - Bạch Thị Kiều O thuộc một phần thửa số 369, tờ bản đồ số 30, phường 7, thành phố Đ có nguồn gốc là đất trồng rau của hộ ông Nguyễn Tr đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K.336948 ngày 20/9/1997, với mục đích sử dụng đất là đất: *Trồng rau*; Thời hạn sử dụng đất: *Tháng 10/2013*. Năm 2002, ông Th, bà O nhận sang nhượng của ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Nguồn gốc của bà L là do ông Nguyễn Tr sử dụng trước ngày 15/10/1993, sau đó cho ông Nguyễn Văn T, ông T cho lại bà L năm 2002. Thời điểm ông Th nhận sang nhượng đã có nhà trên đất do bà L xây dựng năm 2002.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định:

*“b) Trường hợp đang sử dụng đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất: *“Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy*

*chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”.*

Căn cứ Điều 3 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 20/08/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định: “Điều 3. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất”

*Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013.”*

Do đó, hộ ông Lương Vạn Th đã được bồi thường 141,89 m<sup>2</sup> đất thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp (*đất trồng cây hàng năm*) là đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

## *2.2. Về đơn giá bồi thường về đất:*

Căn cứ Điều 4 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

*“Giá đất áp dụng để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng loại đất của mỗi dự án tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất (trừ những trường hợp áp dụng giá đất theo Bảng giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định để tính hỗ trợ được quy định cụ thể tại Quy định này)”.*

Căn cứ quy định nêu trên thì đơn giá bồi thường về đất đối với hộ ông, bà Lương Vạn Th – Bạch Thị Kiều O được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v Ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đ – tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng đường giao thông vào khu Trung tâm Văn hóa – thể thao tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

+ Về đất: Tại khu vực hẻm đường X (*đoạn cuối đường Phan Đình Phùng đến ngã ba Cao Bá Quát*): Hẻm cấp A, rộng 3m đến dưới 5m, cự ly từ đường chính vào đến thửa đất từ trên 100m đến 200m: 15,97 lần.

Chi phí bồi thường về đất đối với hộ ông, bà Lương Vạn Th – Bạch Thị Kiều O được xác định như sau: 141,89m<sup>2</sup> x 155.000 đồng/m<sup>2</sup> x 15,97 lần = 351.227.000 đồng

Đối chiếu kết quả tính toán nêu trên với số tiền phê duyệt bồi thường về đất nông nghiệp cho hộ ông, bà Lương Vạn Th – Bạch Thị Kiều O là đã thực hiện đúng theo quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Vạn Th với nội dung *“không chấp nhận đơn ông Lương Vạn Th khiếu nại yêu cầu xác định lại loại đất, bồi thường theo đơn giá đất ở và tính toán lại việc bồi thường vật kiến trúc khi thu hồi đất của hộ bà để xây dựng đường giao thông vào dự án Trung tâm Văn hoá thể thao tỉnh Lâm Đồng tại phường 7, thành phố Đ”* là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, ông Lương Vạn Th - Bạch Thị Kiều O yêu cầu huỷ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Vạn Th là không có cơ sở.

*\* Theo văn bản trình bày của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Ngoài ra, từ các tài liệu thu thập được và kết quả xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường, căn cứ vào các quy định hiện hành nhận thấy việc ông Lương Vạn Th đề nghị xác định lại loại đất và tính toán bồi thường theo đơn giá đất ở là không có cơ sở xem xét giải quyết vì:

Diện tích 141,89m<sup>2</sup> đất hiện ông Th đang khiếu nại thuộc thửa đất 369, tờ bản đồ số 30 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nên Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã xem xét xác định loại đất nông nghiệp để tính toán bồi thường hỗ trợ cho ông Lương Vạn Th là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật đất đai năm 2013.

Giá đất để tính toán bồi thường hỗ trợ: Diện tích nêu trên Nhà nước thu hồi của ông Th, bà O tại thời điểm năm 2017 nên Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã xem xét áp dụng giá đất cụ thể tại thời điểm thu hồi đất (năm 2017) và được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 để tính toán bồi thường hỗ trợ cho ông Th, bà O là đúng theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Th là đúng theo quy định của pháp luật nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th người bị

kiện đề nghị Tòa án xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Vạn Th, bà Bạch Thị Kiều O.

*\* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2019/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

*Xử:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Vạn Th, bà Bạch Thị Kiều O đề nghị Tòa án:

+ Hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 1 của ông Lương Vạn Th.

+ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Lương Vạn Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 17/9/2019, người khởi kiện là ông Lương Vạn Th, bà Bạch Thị Kiều O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, sau khi nhận chuyển nhượng đất nhưng ông Th không tiến hành làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông Th, bà O. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về nội dung:

Phía người khởi kiện kháng cáo cho rằng: Với diện tích 141,89m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 369, tờ bản đồ số 30, tại Phường 7, thành phố Đ theo Quyết định thu hồi đất số 5117/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND thành phố Đ phải được bồi thường theo đơn giá đất ở, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Đ chỉ bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp là không phù hợp và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

[1.1] Đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện, căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập thấy rằng: Diện tích 141,89m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa số

369, tờ bản đồ số 30, phường 7, thành phố Đ có nguồn gốc là đất trồng rau của hộ ông Nguyễn Tr. Ông Triệu cho con trai là Nguyễn Văn T. Sau đó, ông T tiếp tục cho cháu là bà Nguyễn Thị Ngọc L. Năm 2002 ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị Ngọc L chuyển nhượng cho bà Bạch Thị Kiều O. Diện tích đất này ông Triệu đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K.336948 ngày 20/9/1997, với mục đích sử dụng đất là đất: *Trồng rau*. Thời hạn sử dụng đất: *Tháng 10/2013*. Việc chuyển nhượng thể hiện bằng “*giấy bán nhà đất*” có xác nhận của UBND Phường 7. Mặc dù thời điểm ông Th, bà O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có nhà ở. Tuy nhiên, việc xây dựng nhà ở và sử dụng là không đúng với quy định của pháp luật về mục đích sử dụng đất và không có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, tại giấy bán nhà đất Ủy ban nhân dân Phường 7 cũng thể hiện nội dung “*Hai bên mua bán phải có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất ở và nhà ở theo quy định của nhà nước. Kính chuyển các cấp thẩm quyền giải quyết*”. Quá trình quản lý, sử dụng ông Th, bà O chưa thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất.

[1.2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định:

*“Điều 74. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất*

*1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường.*

*2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.”*

Trong khi đó, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K.336948 ngày 20/9/1997 (BL111), thể hiện thời hạn sử dụng được cấp cho ông Nguyễn Tr là đến tháng 10 năm 2013. Thời điểm UBND thành phố Đ ban hành Quyết định thu hồi đất số 5101/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Th bà O là ngày 22/12/2017 là đã hết thời hạn sử dụng đất nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định:

*“Điều 3. Xác định loại đất*

*1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:*

*a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng;*



*b) Trường hợp đang sử dụng, đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất.*”

Căn cứ theo quy định nêu trên, việc UBND thành phố Đ khi thu hồi đất của hộ ông Th, bà O đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và nguồn gốc sử dụng đất của ông Th, bà O xác định là loại đất nông nghiệp để bồi thường khi thu hồi đất là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp.

[2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th và bà O là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện cho rằng có một số hộ dân giáp ranh được bồi thường theo giá đất ở, nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

[3] Chính vì vậy, yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy ông Th và bà O phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 141 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Luật giải quyết khiếu nại và Luật Đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lương Vạn Th và bà Bạch Thị Kiều O; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

*Xử:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Vạn Th, bà Bạch Thị Kiều O đề nghị Tòa án:

+ Hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 1 của ông Lương Vạn Th.

+ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Lương Vạn Th.

2. Về án phí: Ông Lương Văn Th, bà Bạch Thị Kiều O mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0017864 ngày 14/10/2019 và số 0017863 ngày 10/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**

**Trần Thị Thu Thủy**

**Phạm Công Mười**